

Số: 109/BC-UBND

Quảng Thọ, ngày 06 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình triển khai công tác Cải cách hành chính Quý III và phương hướng nhiệm vụ Quý IV/2021

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền;
- Phòng nội vụ huyện.

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, Ủy ban nhân dân xã Quảng Thọ báo cáo tình hình triển khai thực hiện công tác Cải cách hành chính Quý III, năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ công tác CCHC Quý IV năm 2021, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, TUYÊN TRUYỀN CCHC

1. Tình hình tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 về triển khai công tác Cải cách hành chính năm 2021 nhằm đảm bảo về yêu cầu thời gian ban hành Kế hoạch CCHC năm. Sau khi nhận được kế hoạch triển khai công tác CCHC năm 2021 của UBND tỉnh và UBND huyện ban hành, đồng thời được sự hướng dẫn của cấp trên. UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2021 về triển khai công tác Cải cách hành chính năm 2021 (chính thức). Nội dung của kế hoạch đảm bảo các nội dung gồm: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; tổ chức chỉ đạo, điều hành.

Đồng thời, UBND xã cũng đã ban hành Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2020 về công tác tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021; ban hành các kế hoạch khác để triển khai công tác CCHC năm 2021 như: Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC; kiểm tra công vụ; kế hoạch đánh giá mức độ hài lòng; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCC; kế hoạch CCHC gắn với chính quyền điện tử; kế hoạch duy trì, cải tiến Hệ thống QLCL ISO 9001:2015 tại xã; kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin; kế hoạch kiểm soát TTHC; kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC... và nhiều văn bản khác nhằm triển khai công tác CCHC có hiệu quả tại UBND xã.

2. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2020 về kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức năm 2021, thời gian và nội dung kiểm tra: Thời gian kiểm tra công tác cải cách hành chính, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ công chức từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm kiểm tra. Theo đó, UBND xã sẽ tiến hành kiểm tra đối với 09 CBCC thuộc UBND xã.

- UBND xã cũng đã ban hành Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2020 về kiểm tra công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2021. Trên cơ sở kế hoạch kiểm tra, UBND xã đã chỉ đạo công chức Văn phòng - Thống kê xã chuẩn bị các điều kiện để đoàn kiểm tra của xã làm việc và thực hiện đúng tiến độ kiểm tra theo kế hoạch đề ra.

- Mục đích của kiểm tra nhằm Đánh giá đúng tình hình chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả sử dụng thời gian làm việc tại cơ quan; chấn chỉnh, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao tinh thần trách nhiệm, hiệu quả giải quyết công việc của cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách. Phát hiện và kiến nghị khắc phục những sai sót hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm những hành vi vi phạm các quy định hiện hành của nhà nước; nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu cơ quan trong quản lý, chỉ đạo, điều hành công việc, ý thức chấp hành kỷ cương, kỷ luật hành chính nâng cao hiệu quả triển khai công tác cải cách hành chính tại UBND xã.

3. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- Sau khi ban hành Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2020 về công tác tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021. Ủy ban nhân dân xã tiếp tục cập nhật kịp thời, đồng thời triển khai niêm yết tại bảng niêm yết danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã và bảng thông báo tại Bộ phận TN&TKQ danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. Trong Quý III năm 2021, tiếp tục thực hiện Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Danh mục TTHC được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các xã, phường, thị trấn. Đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện và của xã về công tác cải cách hành chính; thường xuyên tăng cường công tác tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử của xã; hệ thống đài truyền thanh xã nhằm nâng cao nhận thức về cải cách hành chính cho toàn thể cán bộ, công chức và người dân.

- Trong Quý III năm 2021, Ủy ban nhân dân xã đã đăng tải 47 tin, bài về tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của xã tại địa chỉ (<https://quangtho.thuathienhue.gov.vn>).

- Tiếp tục tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử và hệ thống bảng niêm yết Quyết định số 48/2018/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế Ban hành quy định về Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức và người lao động làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và nhiều văn bản khác.

II. KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 30/12/2020 về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) năm 2021; Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 31/12/2020 về xây dựng văn bản QPPL 2021; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 31/12/2020 về kiểm tra văn bản QPPL năm 2021. Đồng thời chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND xã phối hợp các ngành liên quan chủ động tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính thông thường để trình HĐND-UBND quyết định. Trong quá trình ban hành văn bản UBND xã đã tăng cường chỉ đạo việc thực hiện rà soát các loại văn bản không còn hiệu lực để bãi bỏ, đồng thời bổ sung các văn bản mới ban hành khi soạn thảo văn bản. HĐND xã đã ban hành văn bản được thể hiện trong Nghị quyết về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong Quý III/2021 việc xây dựng và ban hành các văn bản QPPL được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, Hội đồng Nhân dân xã đã ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật:

- Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2026.

- Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân xã về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2021.

- Thực hiện Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 04/6/2021 của Ủy ban nhân huyện Quảng Điền về việc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật và thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chứa đựng quy phạm pháp luật liên quan tín ngưỡng, tôn giáo năm 2021; UBND xã xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 2021. UBND xã đã tiến hành kiểm tra và có Báo cáo số 107/BC-UBND ngày 06/9/2021 về tự kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chứa đựng quy phạm pháp luật liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo năm 2021, gửi báo cáo cấp trên theo quy định.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành kế hoạch về công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021; kế hoạch về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021. Đồng thời tổ chức triển khai thực hiện các nội dung năm trong kế hoạch theo đúng tiến độ và thời gian đề ra.

- Để tạo điều kiện thuận lợi cho công dân, tổ chức đến thực hiện thủ tục

hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. UBND xã tiếp tục tổ chức, thực hiện tốt Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Tiếp tục tiến hành niêm yết tại Bộ phận TN&TKQ UBND xã địa chỉ công khai tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính, của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp. Tình hình tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Trong Quý III/2021 UBND xã không nhận được phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của tổ chức, công dân.

3. Cải cách tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính nhà nước

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy đảm bảo hợp lý, khoa học, tinh gọn hoạt động có hiệu quả.

- Tiến hành xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực, tận tụy phục vụ nhân dân. Xác định cụ thể các chức danh và tiêu chuẩn công chức phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch cán bộ.

*Tổng số cán bộ, công chức: 20 người. Trong đó:

- Về trình độ chuyên môn: Đại học 17 người, chiếm tỷ lệ 85%; Cao đẳng 01 người, chiếm tỷ lệ 5%; Trung cấp 01 người, chiếm tỷ lệ 5%; Sơ cấp 01 người, chiếm tỷ lệ 5%.

- Về trình độ lý luận chính trị: Trung cấp lý luận chính trị 12 người, chiếm tỷ lệ 60%.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Đã ban hành nhiều văn bản để chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện công tác CCHC trên địa bàn xã nhằm tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện công tác dân vận chính quyền, nâng cao chỉ số CCHC của xã, chỉ đạo thực hiện nghiêm các văn bản liên quan đến việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ, đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh.

5. Cải cách tài chính công

- Thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các

cơ quan nhà nước. Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công thuộc cơ quan xã Quảng Thọ năm 2021.

- Ủy ban nhân dân xã Quảng Thọ thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ đã ban hành. Thực hiện tốt các văn bản của cấp trên về thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong cơ quan hành chính nhà nước.

* Về thực hiện chế độ khoán biên chế

+ Tổng số biên chế được giao: 20 người

+ Số biên chế có mặt: 20 người; số biên chế tiết kiệm: 00 người

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Xác định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cải cách hành chính, phục vụ tốt hơn hoạt động của cơ quan và giải quyết công việc của cá nhân, tổ chức. Để triển khai có hiệu quả nội dung hiện đại hóa hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong các văn bản của cấp trên và nhu cầu thực tế tại địa phương, trong thời gian qua Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các văn bản, đề ưu tiên phát triển ứng dụng CNTT.

- Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 21/12/2020 về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin năm 2021 tại xã Quảng Thọ; ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2021 về triển khai thực hiện Chương trình cải cách hành chính gắn với phát triển chính quyền điện tử xã Quảng Thọ, cùng nhiều văn bản khác phục vụ cho công tác ứng dụng CNTT tại đơn vị. Đến nay đã triển khai hiệu quả các kế hoạch.

- Ủy ban nhân dân xã đã phân công công chức Tư pháp - Hộ tịch có trình độ tin học đạt chuẩn ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản kiêm nhiệm về công nghệ thông tin tại cơ quan.

- Mục tiêu của nhiệm vụ xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số tại xã Quảng Thọ năm 2021 gồm:

+ Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào hoạt động hiệu quả Đề án “Xã thông minh” trong năm 2021.

+ Hoàn thành xây dựng và triển khai hệ thống thông tin chuyên ngành trong năm 2021.

+ 100% phần mềm dùng chung của UBND tỉnh được UBND xã triển khai đồng bộ, hiệu quả, đảm bảo 100% công việc, văn bản trao đổi giữa UBND xã và các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử.

+ 100% tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC được thực hiện thông qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh.

+ 65% hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại UBND xã.

+ Trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

+ Tiếp tục duy trì việc thực hiện quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; tiến tới ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), quản lý chất lượng theo hệ thống ISO điện tử.

- Trong Quý III/2021, nhằm tiếp tục phát huy hiệu quả của việc duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của UBND xã. UBND xã đã ban hành các văn bản để chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện, cụ thể gồm: Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 21/12/2020 về duy trì và cải tiến Hệ thống Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Quảng Thọ năm 2021; Quyết định số về việc ban hành Mục tiêu chất lượng năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Thọ; Kế hoạch số về việc triển khai thực hiện Mục tiêu chất lượng năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Thọ...

- Trong thời gian tới, UBND xã tiếp tục tiến hành rà soát danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, từ đó tiến hành công bố lần 05 Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Quảng Thọ.

7. Tổ chức chỉ đạo, điều hành

- Xác định CCHC là một nhiệm vụ trọng tâm, UBND xã đã ban hành Quyết định về việc phân công công tác của Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND xã, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trong đó phân công Chủ tịch UBND xã chỉ đạo chung, trực tiếp xử lý thường xuyên về công tác cải cách hành chính; ban hành Thông báo số 86/TB-UBND ngày 28/8/2020 về việc phân công nhiệm vụ của lãnh đạo UBND và các công chức UBND xã, trong đó phân công công chức phụ trách công tác cải cách hành chính tại UBND xã.

- Lãnh đạo UBND xã chỉ đạo công chức chuyên môn phụ trách cải cách hành chính tham mưu ban hành các báo cáo, kế hoạch, tài liệu cải cách hành chính theo quy định của cấp trên.

- Hàng tháng, thông qua cáo cuộc họp giao ban, Thường trực UBND xã đôn đốc, nhắc nhở cán bộ công chức thực hiện nhiệm các văn bản của cấp trên, của UBND xã về cải cách hành chính, kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Những ưu điểm

- Công tác cải cách hành chính đã được Đảng ủy, HĐND, UBND xã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo, thể chế hành chính ngày càng đổi mới, đúng

pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương, đã được đầu tư cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị phục vụ cho công tác cải cách hành chính.

- Việc rà soát thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên, liên tục, bảo đảm thực hiện đúng theo quy định về kiểm soát thủ tục hành chính. Chất lượng cải cách thủ tục hành chính ngày càng được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND xã được đẩy mạnh và đạt được một số kết quả bước đầu, mang lại hiệu quả cao trong công việc.

2. Những tồn tại, hạn chế trong thực hiện cải cách hành chính

Mặc dù đã đạt được một số kết quả nhất định, tuy vậy công tác cải cách hành chính tại UBND xã vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Hệ thống phần mềm xử lý dịch vụ công tập trung của tỉnh đôi lúc hoạt động không ổn định và còn hay bị trục trặc.

- Thủ tục hành chính thay đổi liên tục làm cho tiến độ triển khai chậm và chưa đồng bộ, gây khó khăn trong công tác kiểm soát, rà soát, đánh giá TTHC, cập nhật quy trình ISO vào hệ thống.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG QUÝ IV/2021

1. Tiếp tục triển khai thực hiện theo các văn bản của cấp trên về công tác CCHC. Tiếp tục tổ chức, thực hiện tốt Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế...

2. Triển khai thực hiện tốt công tác ứng dụng công nghệ thông tin; kiểm soát thủ tục hành chính; cải cách thủ tục hành chính; tiếp tục rà soát, đơn giản hóa và công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định. Kiến nghị điều chỉnh các phần mềm dùng chung đảm bảo hoạt động có hiệu quả. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền công tác cải cách hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ, năng lực chuyên môn, thái độ ứng xử cho đội ngũ cán bộ, công chức. Tổ chức thực hiện tốt cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, giải quyết kịp thời, đúng pháp luật tránh gây phiền hà, sách nhiễu đối với tổ chức, cá nhân. Phần đầu thực hiện tốt công tác cải cách hành chính nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính năm sau cao hơn năm trước. Tăng cường công tác tổ chức thực thi pháp luật trong cơ quan, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, minh bạch hóa hoạt động hành chính.

3. Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm tính hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật. Khắc phục những thiếu sót về thể thức văn bản, phát huy dân chủ, tiếp thu ý kiến của nhân dân để nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật. Thường xuyên rà soát các văn bản QPPL do HĐND và UBND ban hành để loại bỏ những quy định không phù hợp, hết thời hạn hiệu lực, tránh chồng chéo và không đúng thẩm quyền.

4. Phát huy năng lực, nâng cao ý thức trách nhiệm và vai trò của cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc hiện đại. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động điều hành, quản lý và giải quyết công việc, đảm bảo giải quyết công việc thông suốt, kịp thời.

5. Duy trì, triển khai và thực hiện tốt cải cách tài chính công, tiếp tục thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.

6. Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, xác định rõ vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đại diện lãnh đạo về chất lượng (QMR) trong việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên và đột xuất. Hoàn thiện hệ thống văn bản của cơ quan trong việc chỉ đạo, điều hành.

7. Đổi mới mạnh mẽ lề lối làm việc, phương pháp chỉ đạo điều hành và nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu.

8. Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế “Một cửa, một cửa liên thông” trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC, tiến tới thực hiện đồng bộ hệ thống tin học hóa trong việc giải quyết công việc của công dân và tổ chức, nâng cao chỉ số cải cách hành chính. Tăng cường trao đổi, xin ý kiến của các cơ quan liên quan, phối hợp giải quyết những tồn tại trong liên thông TTHC. Góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng giải quyết TTHC nói chung và TTHC liên thông nói riêng.

9. Tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo, điều hành và hoạt động thực thi nhiệm vụ của cán bộ công chức. Phần đầu nâng cao hơn nữa chỉ số về ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp tục triển khai xây dựng, nâng cao hơn nữa chỉ số, mức độ chính quyền điện tử.

10. Căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của cấp trên để cử cán bộ, công chức tham gia các khoá học nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, kỹ năng tin học, tập huấn khai thác và sử dụng có hiệu quả các phần mềm được triển khai.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Kính đề nghị UBND tỉnh, UBND huyện Quan tâm đến chế độ, chính sách cho cán bộ làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính cũng như cán bộ đầu mối trong ứng dụng công nghệ thông tin cấp xã, tạo thêm động lực cho cán bộ phụ trách kiêm nhiệm hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.

- Kính đề nghị UBND tỉnh, UBND huyện và các cơ quan cấp trên mở thêm các lớp tập huấn về kiểm soát thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ, đồng thời mở rộng đối tượng tham gia tập huấn trong triển khai, đưa vào sử dụng các phần mềm phục vụ hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong tình hình mới.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác Cải cách hành chính Quý III/2021 và phương hướng, nhiệm vụ Quý IV/2021 của Ủy ban nhân dân xã Quảng Thọ./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
 - Phòng Nội vụ huyện;
 - TV Đảng ủy xã;
 - TT HĐND xã;
 - CT, PCT UBND xã;
 - Bộ phận TN&TKQ;
 - Lưu VT.
- Đề báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Công Phong

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số 109/BC-UBND ngày 06/9/2021 của UBND xã Quảng Thọ)

| STT | Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i> | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|--------|---|------------------|---|--|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Công tác chỉ đạo điều hành CCHC | | | |
| 1.1. | Kế hoạch CCHC | | | Các nhiệm vụ giao trong Kế hoạch CCHC của UBND huyện và các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương |
| 1.1.1. | Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch | Nhiệm vụ | 07 | |
| 1.1.2. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | 5 | |
| 1.1.3. | Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành | Văn bản | 24 | |
| 1.2. | Kiểm tra CCHC | | | |
| 1.1.1. | Ban hành Kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC | | Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2020; Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|--------|---|------------------|----------------------------|--|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | | | 23 tháng 12 năm 2020 | |
| 1.1.2. | Đảng ủy/HĐND xã/UBMTTQ Việt Nam xã/Các đoàn thể chính trị - xã hội cấp xã ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác CCHC của UBND xã | Cơ quan, đơn vị | 01 Kế hoạch, 01 Nghị quyết | Áp dụng đối với cấp xã |
| 1.1.3. | Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra | Vấn đề | chưa kiểm tra | |
| 1.1.4. | Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong | Vấn đề | chưa kiểm tra | |
| 1.3. | Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao | | | Trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của UBND tỉnh hoặc các ý kiến chỉ đạo giao cho UBND huyện thực hiện, trên cơ sở đó UBND huyện giao lại cho cơ quan, đơn vị, địa phương nào chủ trì thì cơ quan, đơn vị, địa phương đó có trách nhiệm tổng hợp khi báo cáo |
| 1.3.1. | Tổng số nhiệm vụ được giao | Nhiệm vụ | (xã) | |
| 1.3.2. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn | Nhiệm vụ | 24 | |
| 1.3.3. | Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn | Nhiệm vụ | 01 | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|--------|--|---|--|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1.4. | Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức | | | |
| 1.4.1. | Số lượng phiếu khảo sát | | 493 | |
| 1.4.2. | Hình thức khảo sát | Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2 | 0 | |
| 1.5. | Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp | Không = 0 Có = 1 | 0 | |
| 1.6. | Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) thuộc thẩm quyền giải quyết của cá nhân, tổ chức | | 00 | |
| 1.6.1 | Số PAKN đã giải quyết | Số PAKN: 0 | 00 | |
| 1.6.2 | Số PAKN chưa giải quyết | | | |
| 1.7 | Kế hoạch tuyên truyền CCHC | | Kế hoạch số 85/KH- UBND ngày 23 tháng 12 năm 2020. | |
| 1.7.1 | Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch | Nhiệm vụ | 06 | |
| 1.7.2 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | 05 | |
| 1.7.3 | Các hình thức tuyên truyền đã thực hiện | Hình thức | 04 | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|------------------|----------------------------------|------------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 2. | Cải cách thể chế | | | |
| 2.1. | Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành | Văn bản | 02 | |
| 2.2. | Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền | Văn bản | 02 | |
| 2.3. | Số VBQPPL đã rà soát | Văn bản | 02 | |
| 2.4. | Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát | Văn bản | | |
| 2.5. | Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong | Văn bản | | |
| 2.6. | Xây dựng kế hoạch, báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật (THPL) và xử lý kết quả theo dõi THPL | Văn bản | KH số 92/KH-UBND ngày 31/12/2020 | Áp dụng đối với cấp xã |
| 2.7. | Thực hiện các hoạt động về theo dõi THPL (<i>Thu thập thông tin về tình hình THPL; Kiểm tra tình hình THPL; Điều tra, khảo sát tình hình THPL</i>) | Văn bản | Chưa thực hiện | Áp dụng đối với cấp xã |
| 3. | Cải cách thủ tục hành chính | | | |
| 3.1. | Công khai TTHC và công khai tiến độ giải quyết hồ sơ | | | |
| 3.1.1 | Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp được công khai trên Trang thông tin điện tử | | 521 | |
| 3.1.2 | Số lượng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị được công khai trên Trang thông tin điện tử và Bảng niêm yết tại Trụ sở | | 128 | |
| 3.1.3 | Công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên | | 03 | Áp dụng đối với cấp xã |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|----------|--|------------------|---------|---|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | Trang TTĐT của UBND cấp xã | | | |
| 3.2. | Thống kê TTHC | | | Căn cứ theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê theo cấp quản lý |
| 3.2.1. | Số TTHC công bố mới | Thủ tục | | |
| 3.2.2. | Số TTHC bãi bỏ, thay thế | Thủ tục | | |
| 3.2.3. | Tổng số TTHC đang có hiệu lực | Thủ tục | | |
| Trong đó | Số TTHC cấp tỉnh: | Thủ tục | | |
| | Số TTHC cấp huyện: | Thủ tục | | |
| | Số TTHC cấp xã: | Thủ tục | 128 | |
| 3.3. | Vận hành Cổng dịch vụ công | | | Căn cứ theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê theo cấp quản lý |
| 3.3.1. | Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia | Thủ tục | | |
| 3.3.2. | Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia | Thủ tục | | |
| 3.4. | Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông | | 216 | Căn cứ theo Quyết định công bố của UBND tỉnh; chỉ thống kê theo cấp quản lý |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|--------|---|------------------|-------------------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 3.4.1. | Số TTHC liên thông cùng cấp | Thủ tục | 02 | |
| 3.4.2. | Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền | Thủ tục | 76 | |
| 3.4.3. | Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ | % | | |
| 3.4.4. | Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa | % | 216/216 (100%) | |
| 3.5. | Kết quả giải quyết TTHC | | | |
| 3.5.1. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | | |
| 3.5.2. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | % | | |
| 3.5.3. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn | 100% | 521/521 (100%) | |
| 3.5.4. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp). | % | 35/35 (100%) | |
| 3.5.5. | Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp). | % | | |
| 3.5.6. | Hồ sơ áp dụng chữ ký số trong các văn bản thông báo, gia hạn, xác minh hồ sơ, xin lỗi, trả kết quả giải quyết TTHC trên phần mềm/Tổng số Hồ sơ cần thông báo, gia hạn, xác minh hồ sơ, xin lỗi, trả kết quả giải quyết TTHC | | 521/521 (100%) | |
| 3.6. | Vận hành Cổng dịch vụ công | | | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|--------------------|---------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 3.6.1. | Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC | Thủ tục | 216 | |
| 3.6.2. | Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC | Thủ tục | 143 | |
| 3.6.3. | Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến | Thủ tục | 0 | |
| 3.6.4. | Số TTHC đã đồng bộ, cấu hình quy trình giải quyết | Thủ tục | 216 | |
| 3.6.5. | Hồ sơ TTHC được số hóa vào phần mềm (đảm bảo cả đầu vào và đầu ra) | | 521 | |
| 4. | Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước | | | |
| 4.1. | Cơ cấu tổ chức bộ máy | | | |
| 4.1.1. | Số cơ quan chuyên môn cấp huyện | Cơ quan, đơn vị | | |
| 4.1.2. | Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp huyện | Cơ quan, đơn vị | | |
| 4.1.3. | Số tổ chức liên ngành do cấp huyện thành lập | Cơ quan, đơn vị | | |
| 4.1.4. | Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn huyện | Cơ quan, đơn vị | | |
| Trong đó | Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện | Cơ quan, đơn vị | | |
| | Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015 | % | | |
| 4.2. | Số liệu về biên chế công chức | | | |
| 4.2.1. | Tổng số biên chế được giao trong năm | Người | 20 | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|------------------|---------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 4.2.2. | Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 20 | |
| 4.2.3. | Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước | Người | | |
| 4.2.4. | Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | | |
| 4.2.5. | Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015 | % | | |
| 4.3. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập | | | |
| 4.3.1. | Tổng số người làm việc được giao | Người | | |
| 4.3.2. | Tổng số người làm việc có mặt | Người | | |
| 4.3.3. | Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | | |
| 4.3.4. | Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015 | % | | |
| 5. | Cải cách chế độ công vụ | | | |
| 5.1. | Vị trí việc làm của công chức, viên chức | | | |
| 5.1.1. | Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, đơn vị | | |
| 5.1.2. | Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định | Cơ quan, đơn vị | | |
| 5.1.3. | Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra | Cơ quan, đơn vị | | |
| 5.2. | Tuyển dụng công chức, viên chức | | | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|--|--|---------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 5.2.1. | Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển) | Người | | |
| 5.2.2. | Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt. | Người | | |
| 5.2.3. | Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên. | Người | | |
| 5.2.4. | Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển). | Người | | |
| 5.2.5. | Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt. | Người | | |
| 5.3. | Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo | | | |
| 5.3.1. | Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển | Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0 | | |
| 5.3.2. | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới | Người | | |
| 5.4. | Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền). | | | |
| 5.4.1. | Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật. | Người | | |
| 5.4.2. | Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện bị kỷ luật. | Người | | |
| 5.4.3. | Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật. | Người | | |
| 6. | Cải cách tài chính công | | | |
| 6.1. | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường | Cơ quan, | | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i> | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|------|--|--|---------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | xuyên và chi đầu tư <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i> | đơn vị | | |
| 6.2. | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i> | Cơ quan, đơn vị | | |
| 6.3. | Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i> | Cơ quan, đơn vị | | |
| 6.4. | Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i> | Cơ quan, đơn vị | | |
| 6.5. | Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i> | Cơ quan, đơn vị | | |
| 7. | Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số | | | |
| 7.1. | Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0 | Chưa = 0 Hoàn thành = 1 | 1 | |
| 7.2. | Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i> | Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2 | 2 | |
| 7.3. | Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia | Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành | 1 | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm) | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|----------|--|--|---------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| | | = 2 | | |
| 7.4. | Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số. | Đơn vị | 01 | |
| 7.5. | Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP). | Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2 | 1 | |
| 7.6. | Số liệu về trao đổi văn bản điện tử | | | |
| 7.6.1. | Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã | | | |
| Trong đó | Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh | % | | |
| | Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện. | % | 100% | |
| 7.6.2. | Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh | Văn bản | | |
| Trong đó | Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử). | 100% | 100% | |
| | Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy | % | 00 | |
| 7.7. | Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh | | | |
| 7.7.1. | Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống | % | | |

| STT | Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i> | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|--------|---|------------------|---------|---------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 7.7.2. | Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống | % | 100% | |
| 7.8. | Dịch vụ công trực tuyến | | | |
| 7.8.1. | Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 | TTHC | 64 | |
| 7.8.2. | Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4 | TTHC | 79 | |
| 7.8.3. | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3 | % | 100% | |
| 7.8.4. | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4 | % | 100% | |

